

Cuộc điều tra "phân tầng xã hội ở thủ đô" đã được tiến hành như thế nào?

TÔN THIÊN CHIÊU

Mục đích, nội dung và yêu cầu nghiên cứu quy định phương pháp tiến hành nghiên cứu. Song trong một cuộc điều tra xã hội học cụ thể chúng ta cần phải chú ý đến hai yếu tố khác trong việc lựa chọn phương pháp tiến hành. Hai yếu tố này là: Khả năng của người tổ chức nghiên cứu và trình độ của đối tượng được điều tra. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ muốn nêu lên những kinh nghiệm thu được về một phương pháp và tổ chức qua cuộc điều tra sự phân tầng xã hội ở Thủ đô Hà Nội" do Viện Xã hội học tiến hành vào tháng 5-6 năm 1992.

Trải qua một thời gian thực hiện chính sách đổi mới bộ mặt xã hội Thủ đô Hà Nội nói chung, bốn quận nội thành nói riêng đã có những thay đổi rõ rệt. Trong những thay đổi đó có sự phân tầng xã hội về mức sống. Ai cũng thừa nhận rằng đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội của Hà Nội đã có sự phân hóa, song sự phân tầng đó hiện nay ở quy mô như thế nào và hậu quả ra sao thì chưa có sự trả lời thống nhất. Cuộc khảo sát của Viện Xã hội học tiến hành ở bốn quận nội thành Hà Nội vào tháng 5 và tháng 6 năm 1992 có nhiệm vụ lượng hóa vấn đề này. Với mục đích như vậy, rõ ràng chúng ta không thể sử dụng các phương pháp thu thập thông tin là phỏng vấn sâu hoặc phỏng vấn nhóm, mà bắt buộc phải dùng *phương pháp an-kết* hoặc *phỏng vấn tiêu chuẩn hóa*.

Khi sử dụng phương pháp này, vấn đề đầu tiên cần đặt ra là tiếp cận đối tượng bằng cách nào. Trải qua năm năm đổi mới, xã hội Hà Nội đã có những biến động mạnh về cơ cấu xã hội. Từ một xã hội chỉ thuần túy có cán bộ viên chức nhà nước (công nhân, trí thức, viên chức) và thợ thủ công, thì hiện nay kết cấu đó đã biến dạng và đa dạng hóa, phức tạp hơn nhiều. Điều này cho thấy không thể tiếp cận theo thành phần phân ngành nghề nghiệp thuần túy như trong một số cuộc nghiên cứu trước đây, vì ngay trong một thành phần nghề nghiệp cũng đã có sự phân hóa. Chính vì lẽ đó mà *cách tiếp cận theo lãnh thổ* đã được thực hiện.

Về phương pháp tiếp cận đối tượng nghiên cứu thì cách chọn mẫu ngẫu nhiên trên toàn bộ các hộ của 4 quận nội thành là phương pháp tối ưu. Song về điều kiện tài chính, thời gian và nhân lực của cuộc nghiên cứu lại không cho phép như vậy. Cách chọn ổ đã được tiến hành. Khi chọn ổ một vấn đề khó lại nảy sinh cần phải cân nhắc lựa chọn. Hà Nội với 36 phố phường cổ kính, với các khu tập thể được xây dựng theo các mốc thời gian khác nhau, với các khu lao động, các làng đang được cải tạo nằm rải ra khắp 4 quận thì chọn như thế nào cho có tính đại diện. Qua các buổi làm việc với 4 quận chúng đã chọn được các phường mang tính đặc trưng cho tình hình cơ bản nhất của quận. Kết quả thu nhận được đã phản ánh đúng ý đồ đặt ra ban đầu: Có sự khác biệt song không quá xa cách.

Chọn được các ổ (các phường rồi thì vấn đề tiếp theo là chọn các hộ như thế nào. Có nhiều cách đề xuất lựa chọn được đưa ra như rải ra cả phường hay chỉ chọn một số điểm trong phường. Vấn đề là có sự cân đối giữa yêu cầu khoa học và khả năng hiện thực của chúng ta. Rải ra trên toàn phường là tốt song cần phải có một đội ngũ những người cộng tác đông hơn, chi phí có đủ đáp ứng không, một điều tra viên có thể hoạt động trên một

địa bàn rộng với nhiều cộng tác viên hay không? Cân nhắc và trao đổi với cán bộ quản lý phường, phương án chọn ở lại được thực hiện trong phạm vi một phường. Chọn ở vẫn bảo đảm được nét đặc trưng cơ bản nhất của phường là tránh lãng phí thời gian, công sức cũng như tiền bạc.

Trong mỗi cụm dân phố chọn các hộ gia đình như thế nào? Với các cuộc khảo sát ở nông thôn vấn đề này giải quyết khá đơn giản do sự thuần nhất của nó. Ở thành phố cần phải được chú ý đến tính đa dạng và phức tạp của dân cư. Có hai cách chọn gia đình trong một cụm dân cư. Lấy danh sách ở công an hoặc lấy danh sách ở tổ trưởng dân phố. Lấy danh sách ở tổ trưởng dân phố dễ dàng song rất dễ bị nhầm đối tượng do sự chi phối của tổ trưởng. Lấy danh sách ở hộ tịch là tốt song lại cần có sự phối hợp của ngành dọc cấp trên xuống. Lúc này yếu tố khoa học được đặt lên trên, mặc dù cách lấy danh sách qua hộ tịch cần phải có sự liên hệ phối hợp chịu sự chi phí tốn kém về thời gian cũng như về tiền bạc. Với cách chọn này chúng tôi biết sẽ xảy ra tình trạng có hộ vắng mặt thường xuyên nên đã chọn dư ra một số hộ dự phòng (mỗi phường chỉ điều tra 200 hộ nhưng chúng tôi đã chọn ra 250 hộ). Chọn mẫu được tốt cần có thảo luận giữa người tổ chức điều tra với cán bộ lãnh đạo địa điểm điều tra.

Trong điều kiện của nước ta, khi mà điều tra xã hội học chưa được mỗi người biết đến nhiều thì việc tiếp xúc giữa điều tra viên và người được hỏi không phải là giản đơn. Giữa Thủ đô Hà Nội khi mọi người bận lo làm ăn thì một người xa lạ đến hỏi về mức sống của gia đình, cách làm ăn... quả không phải là dễ. Để tránh những thủ tục phiền phức trong giao tiếp ban đầu cần phải có sự bảo đảm tránh các hiểu nhầm nên chúng tôi đã nhờ cán bộ chính quyền phường thông báo qua các tổ trưởng dân phố đến các gia đình. Đồng thời mới chính các tổ trưởng dân phố dẫn điều tra viên đến từng hộ gia đình giới thiệu để có sự bảo đảm và tránh cho điều tra viên khó xử lý đối với các trường hợp từ chối hoặc có thái độ thiếu tế nhị. Điều tra viên cũng được tập huấn, thông báo trước những khó khăn này song cũng không thể tránh khỏi những rắc rối xảy ra. Trong mỗi điểm điều tra đều xảy ra một vài trường hợp từ chối trả lời. Bên cạnh đó còn có một tỷ lệ khoảng 5-10% số người được điều tra trả lời một cách không được tự giác, điều tra viên phải tiếp cận hai lần mới hỏi được. Những người từ chối hoặc trả lời không tự giác này không thuộc một loại nghề nghiệp nhất định, mà thường do một tâm lý e ngại nào đó và cũng không phải do thái độ của điều tra viên tạo nên.

Lựa chọn giờ giấc để gặp các đối tượng phỏng vấn cũng được lưu ý tới. Giao tiếp trong khoảng thời gian nào là tốt nhất và không nên giao tiếp vào lúc nào là tùy trường hợp cụ thể. Tổ trưởng dân phố do nắm sát nhân dân, biết được thời gian nào rảnh rỗi của các gia đình đã giúp cho điều tra viên tránh đến gặp họ vào những lúc đối tượng bận việc. Giao tiếp trong những lúc bận việc hoặc trong một bầu không khí tâm lý không thoải mái cũng làm ảnh hưởng đến chất lượng thông tin. Trong những lúc đó đối tượng thường trả lời hời hợt, thiếu cân nhắc suy nghĩ và không đúng bản chất của hiện tượng.

Sự xuất hiện của người thứ ba trong giao tiếp cũng ảnh hưởng đến chất lượng thông tin. Hoặc người thứ ba này trả lời trước làm thay đổi ý kiến của đối tượng hoặc thấy đối tượng trả lời khác suy nghĩ của mình mà người thứ ba tranh luận làm cho đối tượng có những cân nhắc trả lời chung chung không đúng với sự suy nghĩ thực tế của mình. Hoặc do vừa trả lời vừa nói chuyện với người thứ ba mà đối tượng ít tập trung đến nội dung cuộc phỏng vấn. Trong một vài buổi đầu một số điều tra viên đã gặp phải tình huống này. Ví dụ có những cuộc giao tiếp xảy ra trong lúc đối tượng đang bán hàng, làm việc. Do bận rộn với khách hàng mà đối tượng đã trả lời qua quýt hoặc không đúng trọng tâm làm kéo dài thời gian giao tiếp. Điều này đã được phát hiện kịp thời và khắc phục ngay trong ngày thứ 2 của cuộc điều tra.

Người thứ ba không chỉ là người ngoài gia đình mà có thể một nhân vật trụ cột khác của gia đình (ví dụ như vợ hoặc chồng của đối tượng). Do điều kiện nhà ở còn chật chội chưa có phòng khách để giao tiếp riêng, hoặc do một lý do nào để mà có thể hai vợ chồng của đối tượng thay phiên nhau trả lời các câu hỏi. Có trường hợp phần đầu là vợ trả lời nhưng phần sau là chồng trả lời hoặc ngược lại. Tất nhiên cuộc nghiên cứu này lấy gia đình làm đơn vị thu thập thông tin nên việc này cũng không ảnh hưởng đến chất lượng thông tin vì khi xử lý cũng lấy đơn vị gia đình làm cơ sở để phân nhóm. (Song trong các cuộc nghiên cứu mà đơn vị thu thập thông tin là cá nhân thì điều này cần phải tránh, nhất là có sự thâm nhập của người thứ ba, là người không phải thành viên của gia đình).

Độ dài thời gian giao tiếp, theo lý thuyết, cũng ảnh hưởng đến chất lượng thông tin. Khoảng thời gian giao tiếp quá dài sẽ ảnh hưởng đến chất lượng thông tin về cuối. Theo tính toán cũng như điều tra thử thời gian tiến hành phỏng vấn thu được thông tin đầy đủ mất từ 30 - 45 phút tùy theo từng đối tượng. Song có những điều tra viên đã tiến hành cuộc phỏng vấn gần đến 2 giờ đồng hồ. Giữa người dài thời gian và người ít thời gian chúng tôi thấy không có sự khác biệt về mặt chất lượng thông tin. Nhưng dầu sao việc kéo dài quá mức thời gian phỏng vấn cũng sẽ làm cho người trả lời ít tập trung đến nội dung cuộc phỏng vấn.

Một kinh nghiệm khác cũng được rút ra qua cuộc điều tra là khâu tổ chức. Chúng tôi không có ý nói đến tổ chức toàn bộ quy trình của cuộc khảo sát mà chỉ nói đến việc tổ chức thu thập thông tin tại thực địa. Đây là cuộc điều tra có quy mô trung bình song do tính chất của vấn đề mà Viện Xã hội học đã đầu tư thích đáng cán bộ và kinh phí cho cuộc điều tra. Một điểm đáng nói ở đây là vấn đề người liên hệ và tổ chức lãnh đạo nhóm điều tra ở mỗi điểm điều tra và điều tra viên. Xuống cấp phường ở thành phố khó hơn rất nhiều xuống cấp xã ở nông thôn. Điểm nào cán bộ vững về chuyên môn, nắm được tình hình thực tế thì hiệu quả cao hơn nhiều. Điều này thể hiện ở chỗ phường giúp đỡ đoàn điều tra như thế nào và báo cáo những vấn đề mà đoàn yêu cầu có trùng hay không.

Do cần phải bảo đảm tiến độ công việc mà lần này Viện Xã hội học đã huy động một lực lượng lớn các điều tra viên là cán bộ nghiên cứu trong cũng như ngoài viện. Dù đã được quán triệt, tập huấn song một số người do thiếu ý thức chuẩn bị cho mình một nhận thức thực tiễn nên đã thiếu trách nhiệm, dẫn đến thu thông tin không được sâu, làm lấy số lượng mà ít chú ý đến chất lượng thông tin. Ngược lại có những người có tinh thần trách nhiệm rất cao, có ý muốn đi sâu vào nội dung nghiên cứu song do thiếu phương pháp và kỹ thuật cũng như kinh nghiệm nên cũng đã dẫn đến một số sai lầm về cách ghi thông tin. Rất may, do có sự giám sát hàng ngày và tổ chức nghiệm thu kịp thời nên những sai sót đó đã được khắc phục trong ngày hôm sau. Rõ ràng ở giai đoạn này công tác tổ chức đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng thông tin.

Cuối cùng chúng tôi muốn đề cập đến vấn đề kết hợp giữa việc xây dựng bảng hỏi và xử lý thông tin. Đây là lần đầu tiên Phòng phương pháp và kỹ thuật của Viện Xã hội học đảm nhận xử lý thông tin thu được bằng máy vi tính với chương trình SPSS, một chương trình dành riêng cho các cuộc điều tra xã hội học. Do nắm chưa được sâu các yêu cầu của chương trình đưa ra nên các câu hỏi lập ra ban đầu cũng chưa thật phù hợp với chương trình này: Ví dụ có những câu lượng phương án trả lời quá nhiều, khi chuyển mã (code) phải dùng cả chữ số và chữ để biểu thị. Điều này không phù hợp với ngôn ngữ máy làm cho trong quá trình chạy máy phải sửa đổi và dẫn đến kéo dài thời gian xử lý không đáp ứng tiến độ đề ra. Sau này để sử dụng máy xử lý cần có sự phối hợp giữa hai khâu với nhau ngay trong giai đoạn chuẩn bị soạn thảo câu hỏi.

Trên đây là một vài kinh nghiệm về phương pháp rút ra qua cuộc điều tra. Những

điều này lý thuyết về phương pháp đã đề cập đến, song nó chỉ là những điều chung nhất đối với mọi cuộc điều tra. Còn việc vận dụng cái chung vào từng cuộc điều tra lại phải tính đến những yếu tố hiện thực cụ thể. Các yếu tố hiện thực đó là: khả năng của người tổ chức điều tra và đối tượng cuộc điều tra. Giải quyết bài toán cân đối tối ưu các yêu cầu khi lựa chọn phương pháp cần phải do những người có kinh nghiệm và trình độ tiến hành. Không giải đúng bài toán này sẽ dẫn đến những sai lầm đáng tiếc về chất lượng thông tin.

Kinh nghiệm xử lý và phân tích thông tin trong điều tra xã hội học

TÔN LƯƠNG CHÍNH

Điều tra xã hội học là một quá trình trong đó nhà nghiên cứu phải tiến hành nhiều thao tác khoa học khác nhau. Các thao tác này nhằm mục đích đưa ra được các dữ kiện, số liệu phản ánh trung thực khách quan, thỏa mãn mục đích nghiên cứu. Căn cứ vào nhiệm vụ của các thao tác này mà chúng ta chia tiến hành điều tra xã hội học thành ba giai đoạn: chuẩn bị, tiến hành thu thập thông tin và xử lý thông tin. Mỗi một giai đoạn có những yêu cầu riêng của nó, song chúng có liên quan mật thiết với nhau. Giai đoạn trước quy định giai đoạn sau, những giai đoạn sau cũng có tác động đến giai đoạn trước. Trong bài viết này, chúng tôi không có ý định trình bày toàn bộ các thao tác trong một cuộc điều tra xã hội học mà chỉ trình bày giai đoạn cuối là xử lý và phân tích thông tin, nhưng cũng chỉ tập trung vào xử lý thông tin.

Thông thường sau giai đoạn thu thập thông tin, người nghiên cứu có một khối lượng đồ sộ các thông tin, các tư liệu có được do thu nhập từ các nguồn khác nhau như: báo cáo, bài viết, tọa đàm, phỏng vấn, ăng két... Các tư liệu này thường là rời rạc, là thông tin cá biệt, người nghiên cứu không thể khái quát hoặc rút ra kết luận trên mỗi thông tin cá biệt. Cho nên, nhiệm vụ của giai đoạn xử lý và phân tích thông tin là chuyển các thông tin cá biệt (của từng ngành, từng đơn vị, từng vấn đề riêng lẻ...) thành thông tin tập hợp. Thông tin tập hợp phản ánh chung các ý kiến của nhóm cộng đồng hoặc của các vấn đề. Dựa trên thông tin tập hợp người nghiên cứu mới có thể nhận xét và rút ra các kết luận đúng đắn. Nếu như thông tin cá thể rất đa dạng và phong phú giúp cho người nghiên cứu hiểu được cái riêng của từng cá nhân thì thông tin tập hợp lại cô đọng phản ánh cái chung. Chính vì lẽ đó mà thực chất của xử lý thông tin là tìm các cách để chuyển thông tin cá biệt sang thông tin tập hợp.

Tùy thuộc vào mục đích, nội dung của cuộc nghiên cứu cũng như cách thu nhập nội dung mà người nghiên cứu biết trong giai đoạn xử lý phải làm những công việc gì. Với các loại thông tin định tính thu được từ phỏng vấn nhóm, phỏng vấn chiều sâu, sưu tập văn bản, các bài báo thì công việc chủ yếu của xử lý là tìm hiểu phát hiện các vấn đề, các nội

dung. Hiện nay, khi phân tích định tính chúng ta có hai phương pháp: truyền thống và hình thức hóa. Phương pháp phân tích truyền thống bao gồm việc nhận được các ý nghĩa, tình huống tâm lý, những đánh giá cá nhân... Còn phân tích hình thức hóa thực chất là phân tích nội dung, đó là một phương pháp hiện đại. Song các phân tích định tính chỉ hữu hiệu với các cuộc nghiên cứu quy mô nhỏ mà ta thường dùng trong giai đoạn tiền nghiên cứu. Với các cuộc điều tra xã hội học có quy mô lớn thì việc phân tích định tính ít được sử dụng, và nếu sử dụng sẽ gặp nhiều khó khăn vì sẽ có nhiều ý kiến trái ngược nhau, quá nhiều khía cạnh của cùng một vấn đề, dẫn đến chỗ người nghiên cứu khó kết luận vấn đề. Phân tích định lượng ngày càng được sử dụng rộng rãi hơn trong các cuộc điều tra xã hội học. Phân tích định lượng giúp cho việc phân tích định tính, phân tích nội dung có hiệu quả hơn. Mặt khác nhờ áp dụng các phương pháp thống kê toán và nhất là việc áp dụng máy tính đã mang lại việc phân tích định lượng những ý nghĩa đặc biệt, giúp cho người nghiên cứu hiểu biết sâu thêm vấn đề. Chẳng hạn khi trả lời cùng một câu hỏi, hai nhóm người trả lời có con số tỉ lệ phần trăm khác nhau. Một vấn đề đặt ra là sự khác nhau của hai tỉ lệ này có thật có ý nghĩa hay không, nếu chỉ dừng lại ở phân tích định tính thì khó có thể kết luận được. Nhờ có công cụ toán học mà chúng ta có thể rút ra được kết luận chính xác.

Trong giai đoạn xử lý thông tin định lượng người nghiên cứu phải tiến hành các công việc sau đây:

- Hiệu chỉnh lại các thông tin của các phiếu điều tra thu được bằng phương pháp phỏng vấn tiêu chuẩn, ăng kết.

- Mã hóa

- Nhóm gộp các số liệu.

- Xử lý cấp một: Đưa ra các con số miêu tả thực trạng...

- Xử lý cấp hai: Kiểm tra các giả thuyết, tìm mối liên hệ.

Thông thường các phiếu điều tra thu được, dù các điều tra viên đã được tập huấn, biết cách ghi chép thông tin, dù có giám sát viên kiểm tra, vẫn có những sai sót. Có những sai sót về mặt lôgic khi trả lời, có sai sót về cách ghi hoặc những sai sót khác (ghi khác các đơn vị đo lường đã yêu cầu). Nhiệm vụ của hiệu chỉnh thông tin là sửa chữa các sai sót lôgic làm sao cho phù hợp với nhau, hoặc loại bỏ các câu trả lời sai, quy đúng đơn vị đo lường (ví dụ đo diện tích sẽ có người ghi là m², người ghi sào, mẫu hoặc hecta, công...). Sai sót về mặt lôgic là sai sót thuộc kiểu người trả lời vi phạm câu hỏi tuyển: trả lời 2 hoặc 3 phương án. Lúc đó, tùy theo nội dung của câu hỏi hoặc sử dụng các câu hỏi kiểm tra để hiệu chỉnh. Những sai sót như vậy, nếu không được hiệu chỉnh trước khi đưa vào xử lý sẽ dẫn đến những kết quả sai, nhiều lúc dẫn đến các kết luận sai.

Trong bản hỏi hoặc ăng kết, khi hỏi ta thường đưa vào những câu hỏi mở. Khi gộp loại câu hỏi này, công việc của người xử lý là phải phân tích định tính, nội dung để chuyển ý kiến của người trả lời thành các ý theo nội dung khác nhau. Các ý (phương án trả lời) phải độc lập không được trùng hoặc bao hàm lẫn nhau. Sau đó chúng ta đặt cho các phương án trả lời một con số, hoặc một chữ cái, để tiện lợi cho việc xử lý được gọi là mã hoá. Các phương án khác nhau trong 1 câu hỏi thì dùng một số khác nhau. Trong lúc mã hóa câu hỏi mở, chúng ta sẽ gặp một loạt khó khăn do câu hỏi mở đưa ra. Một là do tính chất của câu hỏi mở mà dẫn đến chỗ có người trả lời cụ thể, có người trả lời chung chung, một ý bao hàm nhiều ý cụ thể. Hai là do người ghi kết quả không ghi trung thực câu trả lời mà ghi thành một ý chung làm cho người xử lý rất khó bóc, tách thành những khía cạnh cụ thể mà câu hỏi muốn nhận xét.

Mã hóa còn bao hàm việc tổ hợp một số các phương án trả lời của nhiều câu hỏi để

thành một phương án trả lời mới, một chỉ báo khái quát một dấu hiệu nào đó. Việc mã hóa các câu hỏi mở, các câu tổng hợp cần được quyết định ngay trong giai đoạn chuẩn bị khi thiết lập câu hỏi, mục đích câu hỏi đó là gì? Có thể chia các phương án trả lời một cách chi tiết nhưng cũng có thể nhóm gộp lại, cái đó tùy thuộc vào ý đồ của người nghiên cứu.

Nhóm gộp các dấu hiệu là công việc đầu tiên và có ý nghĩa đến kết quả xử lý. Căn cứ vào mục đích và yêu cầu của cuộc nghiên cứu mà chúng ta phân loại hoặc nhóm gộp các loại số liệu dấu hiệu. Khi phân loại chúng ta cần biết đâu là dấu hiệu độc lập, đâu là dấu hiệu phụ thuộc. Các dấu hiệu độc lập thường mang một thuộc tính (như: giới tính độ tuổi, nghề nghiệp...) còn dấu hiệu phụ thuộc có thể chỉ phản ánh một thuộc tính hoặc nhiều thuộc tính của khách thể nghiên cứu. Khi nhóm gộp các dấu hiệu, ta thường sử dụng các đặc điểm nhân khẩu - xã hội của người trả lời để phân chia tổng thể thành các nhóm. Ứng với mỗi cuộc nghiên cứu cụ thể, ta có cách phân nhóm khác nhau, tùy thuộc vào sự xem xét đặc điểm nào ảnh hưởng đến vấn đề được nghiên cứu.

Ví dụ: chúng ta đều biết rằng trong nhiều vấn đề xã hội, lứa tuổi của con người đều có ảnh hưởng đến nhận thức và đánh giá vấn đề. Song không nhất thiết cứ phân nhóm tuổi là 5 năm thành một nhóm như trong dân số học, mà tùy theo tình huống để phân chia nhóm với các thang đo định lượng (thang khoảng, thang tỉ lệ) thì cần chú ý đến số lượng nhóm. Nếu chia làm nhiều nhóm quá thì sự biến đổi từ nhóm này sang nhóm khác sẽ không cho ta thấy sự biến đổi chất lượng. Việc phân nhóm định lượng cũng như các nhóm định tính có yêu cầu bắt buộc là các nhóm không được giao nhau.

Sau khi đã tiến hành phân nhóm công việc tiếp theo là lập bảng dữ liệu. Bảng được chia thành các cột, các hàng trong mỗi ô là các chỉ số tần số, tỷ lệ phần trăm... Lập bảng rất tiện cho việc phân tích, giải thích so sánh các kết quả trong bảng báo cáo. Có loại bảng đơn (thống kê một chiều), như tần số, tần suất... của một phương án trả lời trong một câu hỏi.

Ví dụ sau đây cho ta thấy bảng tương quan đơn.

	Tần số	Phần trăm...
Phương án 1	n_1	$n_{1/n} \times 100$
Phương án 2	n_2	$\frac{n_2 \times 100}{n}$
Phương án 3	n_3	$\frac{n_3 \times 100}{n}$
	<hr/>	<hr/>
Tổng cộng	n	100%

Các bảng đơn, một chiều ít giúp cho chúng ta trong việc so sánh, tìm mối liên quan giữa các dấu hiệu với nhau mà chỉ cho ta thấy cái chung bề ngoài, không đi sâu vào giải thích bản chất.

Loại bảng nhiều chiều giúp cho người nghiên cứu liên hệ so sánh các kết quả. Thông thường bảng 2 chiều hay được sử dụng nhất. Trong bảng hai chiều, thường một chiều là đặc tính hệ - nhân khẩu nào đó còn chiều kia là kết quả trả lời một câu hỏi, hay một loạt các câu hỏi (Xem bảng dưới đây).

Bảng 2: Mối liên hệ giữa mức sống và tiện nghi gia đình (% theo loại gia đình)

Các loại tiện nghi	Mức sống				
	I	II	III	IV	V
Tivi màu	n ₁₁	n ₂₁	n ₃₁	n ₄₁	n ₅₁
Đầu video	n ₁₂	n ₂₂	n ₃₂	n ₄₂	n ₅₂
Dàn âm thanh	n ₁₃	n ₂₃	n ₃₃	n ₄₃	n ₅₃

Khi đưa bảng dạng này, chúng ta nên trình bày cả các con số tuyệt đối (tần số) và cả các con số tương đối (phần trăm, tần suất). Cần ghi chú rõ ràng phần trăm được tính theo hàng hoặc theo cột, hoặc được tính cả hai. Không nên đưa chỉ mỗi con số tương đối mà không đưa số tuyệt đối vì có thể người khác sử dụng các con số tuyệt đối để tính toán đưa ra các kết quả mới, mặt khác có cả con số tuyệt đối, mới xác nhận số lượng người được nghiên cứu có đủ đại diện hay không. Việc tính toán các con số tương đối (tần suất, phần trăm) cần phải được hiểu một cách thấu đáo ý nghĩa của cách tính, nếu không sẽ không phản ánh đúng ý nghĩa của nó. Ví dụ với bảng 2 ở trên do số lượng các loại mức sống khác nhau nếu ta tính phần trăm theo hàng thì sai, mà phải tính phần trăm theo cột, nghĩa là số phần trăm mỗi loại gia đình có. Hoặc một ví dụ khác tuy rất đơn giản song tính toán các con số tương đối không đúng cũng dẫn đến kết luận sai vấn đề.

Khi hỏi về sự phân công lao động trong gia đình, chúng ta thường đưa ra câu hỏi như sau: **Ai thường làm các công việc sau đây trong gia đình?**

Công việc	Chồng	Vợ	Con lớn	Bố mẹ	Người khác
- Nấu cơm					
- Giặt giũ					
- Đi chợ					

Với câu hỏi dạng bảng này, việc tính phần trăm theo hàng hay cột sẽ cho ra những con số tỉ lệ khác nhau và ý nghĩa của mỗi con số cũng rất khác nhau. Hơn thế nữa số gia đình có bố (mẹ) cùng sống chỉ chiếm một tỷ lệ nào đó cho nên tỷ lệ bố, mẹ tham gia các công việc cũng rất nhỏ. Nếu căn cứ vào các tỷ lệ trên mà không căn cứ vào kiểu loại gia đình thì rất dễ dẫn đến các kết luận sai. Bảng số liệu một chiều thường dẫn đến những sai lầm kiểu đó. Nếu chúng ta sử dụng bảng hai chiều, một chiều là loại gia đình: không có ông (bà), có ông (bà một chiều là các phương án trả lời, sẽ cho ta tránh được đưa ra các kết luận kiểu như vừa nêu trong ví dụ.

Ngoài ra, với các câu hỏi được đo bằng thang đo định lượng chúng ta cần sử dụng các tham số khác như trung bình số học, mode, Médian (trung vị), phương sai để hiểu thêm bản chất của hiện tượng. Các con số của các tham số này bổ sung lẫn nhau làm cho các con số đưa ra càng có thêm ý nghĩa. Ví dụ khi đo đếm thu nhập của từng gia đình, từng cá nhân ta thường đưa các con số thu nhập trung bình (trung bình số học), nhưng chúng ta nên nhớ rằng con số trung bình đã xóa nhòa ranh giới của hai cực cao thấp. Khi đó nếu chúng ta có thêm các con số phương sai (chỉ sự khác biệt của sự thu nhập), mode (mức thu nhập có

nhiều người (gia đình) đạt được sẽ cho thấy tình hình thu nhập của xã hội ra sao, đồng đều hay quá chênh lệch, mức thu nhập nhiều người đạt được...

Một điều quan trọng trong việc xử lý thông tin là do mối liên hệ và kiểm tra các giả thuyết đã được nêu. Đây chính là bài toán kiểm tra xem lượng đổi chất đổi có diễn ra hay không. Sử dụng các phương pháp thống kê - toán sẽ cho ta biết được mối liên hệ của chúng như thế nào? Để giải quyết được bài toán này, nhất thiết chúng ta phải thiết lập được bảng thống kê hai chiều (như bảng 2) và tính toán các hệ số tương quan (xử lý cấp 2). Các hệ số tương quan có nhiều dạng khác nhau tùy thuộc vào loại thang đo. Song đặc điểm chung của chúng là biến thiên từ 0 đến 1. Khi hệ số tương quan bằng 0 nghĩa là giữa hai biến số (dấu hiệu) hoàn toàn không có mối liên hệ gì với nhau. Khi hệ số tương quan khác không thì có mối liên hệ tương quan và khi nó bằng 1 giữa các dấu hiệu liên hệ hàm số (nghĩa là dấu hiệu này thay đổi bắt buộc dấu hiệu kia phải thay đổi theo). Hệ số tương quan càng lớn (càng gần 1) thì mối liên hệ càng chặt và ngược lại, càng nhỏ thì mối liên hệ càng yếu. Hệ số tương quan cho chúng ta biết được mối liên hệ, còn mối liên hệ đó diễn ra theo chiều nào (cái gì ảnh hưởng đến cái gì) thì không chỉ ra. Các dạng hệ số tương quan thường gặp là Cramer, Phi (dùng cho bảng 2 x 2), Pearson và Spearman, các hệ số này dùng được cho các kiểu thang đo khác nhau (Riêng hệ số Spearman thường dùng cho thang hạng).

Bài toán kiểm tra giả thuyết cũng được thống kê - toán giải quyết. Các giả thuyết được kiểm nghiệm ở đây là các giả thuyết thống kê, nghĩa là các giả thuyết có thể đo đếm được. Trong bài toán kiểm định, giả thuyết thống kê bao giờ cũng có một xác suất tin cậy, nghĩa là không phải đúng tất cả mà chỉ đúng với một xác suất do ta lựa chọn. Các giả thuyết không thông sẽ không được kiểm chứng, nghĩa là chúng ta sẽ không thể thừa nhận hoặc bác bỏ nó bằng thống kê - toán.

Khi sử dụng bộ máy, công cụ thống kê - toán vào xử lý thông tin thu được một điều cần lưu ý rằng dung lượng mẫu điều tra phải đủ lớn, đáp ứng được xác suất tin cậy đã đặt ra. Nếu dung lượng mẫu bé phải lựa chọn các hệ số tương quan cũng như cách kiến giải theo dung lượng mẫu nhỏ. Đưa các công thức của mẫu lớn vào sử dụng cho mẫu nhỏ sẽ dẫn đến các kết luận sai lầm.

Ngày nay, cùng với sự phát triển khoa học, toán học đang một ngày một thâm nhập sâu vào khoa học xã hội. Toán học đang trở thành công cụ cho sự khám phá bản chất của hiện tượng. Để kết thúc bài viết này chúng tôi muốn nêu thêm một điểm nữa, đó là việc sử dụng kỹ thuật máy tính vào xử lý thông tin xã hội. Máy tính giúp đỡ rất nhiều cho người nghiên cứu trong việc xử lý thông tin xã hội. Song không nên hiệu máy tính là vạn năng, sẽ giải quyết được và giải quyết đúng được tất cả các vấn đề mà chúng ta đưa cho máy. Máy tính chỉ đưa ra được các kết quả đúng đắn khi người nghiên cứu biết được các nghĩa của các con số mình cần, các thuật toán mình sử dụng và khả năng của máy. Máy tính chỉ cung cấp cho mình các thông số mà mình cần thiết khi mình biết tác động lên nó. Chúng tôi nêu lên điều này nhằm mục đích nhấn mạnh cần có sự liên hệ giữa người nghiên cứu và các nhà toán học, người sử dụng máy tính ngay trong giai đoạn đầu của cuộc điều tra (lúc lập câu hỏi và lập kế hoạch xử lý thông tin). Sự kết hợp này tạo nên một sự hiểu biết cần thiết để cùng nhau hoàn thành mục tiêu nghiên cứu. Ví dụ, một câu hỏi như thế này thì máy tính đó giải quyết được không, hay cách mã hóa có phù hợp với máy tính không?... Nếu người chạy máy tính không thông hiểu ý đồ của người nghiên cứu thì việc đưa thông tin vào máy theo các kiểu khác nhau cũng dẫn đến kết quả khác nhau. Một ví dụ nhỏ để thấy được cần có sự kết hợp này. Với câu hỏi:

Thu nhập ngoài lương của anh (chị) hàng tháng là bao nhiêu?

Đáng lý chúng ta sẽ thu được các con số cụ thể, song do một lí do nào đó mà khi hỏi câu này một số điều tra viên thấy người trả lời không có thì quen ghi số 0 vào mà để trắng, hoặc người ta không nhớ hoặc không trả lời lại ghi số 0 vào. Lúc đưa thông tin đó hoặc đưa số 0 vào đã làm kết quả máy đưa ra sẽ sai với thực tế. Nếu những người không có thu nhập mà lúc nhập thông tin vào lại để trống thì máy sẽ loại bỏ thông tin đó, và chỉ tính trung bình cho những người có thông tin đưa vào.

Trên đây chỉ là một vài vấn đề cần lưu ý trong xử lý thông tin, còn để hiểu sâu thêm chúng ta phải biết thêm thống kê - toán. Song cũng cần lưu ý rằng để thống kê - toán giúp ích được cho người nghiên cứu thì trước hết người nghiên cứu phải xác định đúng vấn đề và có sự phân tích định tính để chuyển qua định lượng. Phân tích định tính là tiền đề cho định lượng và việc áp dụng thống kê - toán vào xử lý thông tin.

Đôi điều trình bày về sử dụng phương pháp nghiên cứu sâu trong nghiên cứu phân tầng xã hội ở Hà Nội

TRƯƠNG XUÂN TƯỜNG

Hiện nay phương pháp nghiên cứu sâu đang thịnh hành trong nghiên cứu xã hội học. Nó đang là một công cụ thực nghiệm chủ chốt của khoa học xã hội hiện đại, nhất là trong nghiên cứu trường hợp và nghiên cứu chuyên đề. Theo suy nghĩ của chúng tôi bản chất của nghiên cứu sâu là nhằm tìm hiểu các hiện tượng tổng quát có tính chất xã hội, văn hóa và thái độ. Đặc trưng của nó là quan sát có tham gia, sử dụng những cách tiếp cận tương đối không chính thức và là một phương pháp đo, thông qua trò chuyện chứ không phải là dựa vào một bảng hỏi chính thức. Vì thế mục đích của nghiên cứu sâu không phải là mô tả định lượng mà cho phép *những giải thích dinh linh* các hiện tượng của đời sống xã hội. Cụ thể hơn là nó cho phép lột bỏ các lớp hiện thực bên ngoài để đi vào bản chất vấn đề như từ việc tìm hiểu thực tế tiến tới các chuẩn mực, các qui tắc. Như một điều dĩ nhiên rằng trong thực tế cuộc sống không phải cái gì cũng có thể định lượng được và cũng không phải cái gì định lượng được cũng đều phản ánh được bản chất sự vật.

Trong nghiên cứu khoa học, nếu đặt riêng một phương pháp với tư các đơn lẻ sẽ không tránh khỏi sự bộc lộ những khiếm khuyết, hạn chế. Phương pháp khảo sát mẫu bằng bản hỏi, ăng két trong điều tra xã hội cũng vậy. Người ta đã từng nhắc đến kết quả thu được khi dùng phương pháp này không có tính đại diện cao khi số mẫu điều tra không đủ lớn trong nghiên cứu cấp vùng và cấp quốc gia. Trong khi việc phân tích số liệu loại này lại có xu hướng khái quát hóa cho cả vùng, toàn khu vực hoặc miền lãnh thổ nên dễ dẫn đến sự ngộ nhận trong phát hiện nghiên cứu. Ngoài ra người ta cũng nhấn mạnh đến tính chất hẹp của câu hỏi phiếu điều tra, tính nghiêm ngặt trong qui trình lập bảng hỏi và thu thập thông tin. Nói như vậy không có nghĩa cho rằng phương pháp nghiên cứu sâu là tối ưu. Vấn đề là

nếu kết hợp cả hai phương pháp đó trong một chương trình nghiên cứu, nhất là nghiên cứu ở cấp vùng trở nên mới là cách tiếp cận tối ưu.

Với nhận thức đó, vừa qua, trong khi tham gia nghiên cứu về Hà Nội ở giai đoạn II, chúng tôi đã cố gắng vận dụng phương pháp nghiên cứu sâu để góp phần làm sáng tỏ nội dung mà đề cương của cuộc khảo sát đã vạch ra. Chúng tôi mạo muội nêu lên một số suy nghĩ qua việc triển khai công việc trên. Sau hơn nửa thập niên thực hiện công cuộc đổi mới, đời sống xã hội Thủ đô có những thay đổi và biến chuyển to lớn. Bắt đầu từ việc vận động và biến chuyển của nghề nghiệp xã hội, phân công lao động dẫn đến sự phân hóa thu nhập, mức sống tác động làm chuyển đổi cơ cấu xã hội và sự thay đổi văn hóa. Từ các xóm chợ, các khối phố cụ thể đều diễn ra quá trình này. Ngay trong một ngôi nhà tập thể thì sự phân hóa giàu nghèo, phân tầng vai trò xã hội cũng diễn ra ở cấp độ cao hơn và khác về chất so với trước đó. Thậm chí ngay trong mỗi gia đình, tuy mức độ khác nhau nhưng cũng có sự vận động, thay đổi về cấu trúc, về vai trò, về giá trị. Với một thực trạng lãnh thổ như thế, nơi có sự tập trung cao về dân cư về kinh tế, về văn hóa nếu chỉ riêng dùng phương pháp khảo sát chọn mẫu e rằng dễ gặp sự lúng túng khi lựa chọn một khối lượng mẫu thích hợp và một phương thức tiếp cận thích hợp. Rõ ràng cần phải phối hợp sử dụng phương pháp nghiên cứu sâu, chỉ ít cũng như một phương pháp bổ sung, phụ thuộc. Vấn đề là sử dụng phương pháp này như thế nào trong chương trình nghiên cứu phân tầng xã hội ở Hà Nội hiện nay.

Về mặt tính chất, phương pháp nghiên cứu sâu có một tư cách độc lập. Với một cuộc nghiên cứu cũng có thể chỉ sử dụng một phương pháp này. Tuy nhiên thông thường người ta vẫn sử dụng phương pháp này với tính chất bổ sung, phối hợp với phương pháp điều tra chọn mẫu. Vấn đề đáng bàn là phương pháp nghiên cứu sâu được tiến hành trước hay sau khi tiến hành nghiên cứu chọn mẫu. Khi phương pháp nghiên cứu sâu được tiến hành trước và với mục đích phát hiện vấn đề và chỉ sau khi giả thuyết nghiên cứu đã được xây dựng hoàn thiện người ta mới tiến hành khảo sát chọn mẫu để kiểm định và hoàn tất những giả thuyết đó. Còn ngược lại là trước hết tiến hành một cuộc khảo sát mẫu nhằm đánh giá chung thực trạng của vấn đề nghiên cứu rồi sau đó mới tiến hành nghiên cứu sâu nhằm thu thập và bổ sung các thông tin định tính cho các số liệu định lượng trước đó.

Theo chúng tôi phương pháp nghiên cứu sâu được áp dụng trong nghiên cứu Hà Nội giai đoạn II có nhiệm vụ thu nhập và bổ sung các thông tin định tính nhằm kiểm định ba giả thiết nghiên cứu sau: 1 - Dưới tác động của thị trường ở Hà Nội những người có ưu thế về mặt chính trị đã nhanh chóng có được ưu thế về mặt kinh tế. 2- Sự phân tầng đó chưa được ổn định về mặt văn hóa và liệu có thể có sự đứt đoạn giữa phân tầng về kinh tế với phân tầng về văn hóa không và 3 - Tầng lớp trung lưu ở Hà Nội có quá bé nhỏ để có thể đóng một vai trò tích cực cho sự phát triển vững bền của xã hội hiện đại.

Trên cơ sở khi lý thuyết chung đó, nghiên cứu sâu cần thiết phải triển khai một cách cụ thể, riêng biệt lý thuyết của mình theo hướng tiếp cận định tính. Ở đây trong nghiên cứu Hà Nội cần thiết phải căn cứ trên những trình độ xã hội khác nhau mà đặt ra các vấn đề là: có sự phân tầng văn hóa thật sự hay không? Được diễn ra như thế nào? Có sự xung đột văn hóa? Có sự rối loạn văn hóa? Và sự thay thế văn hóa?

Việc tuân thủ phương pháp nhằm đạt tới một cái nhìn tổng thể xã hội Thủ đô về mặt hình thức là khu vực lãnh thổ, về nội dung là theo sự tập trung về kinh tế, xã hội và văn hóa. Việc tiếp cận đối tượng nghiên cứu thông qua trường học có ý nghĩa là khảo sát xã hội về mặt tái tạo văn hóa. Nghiên cứu sâu ở Hà Nội đợt II đã thể hiện cách thức và tính chất riêng biệt của mình trong việc tiếp cận đối tượng nghiên cứu. Trong đợt khảo sát này đã dùng 2 phương pháp thu nhập thông tin là: phỏng vấn chuyên gia (phỏng vấn cá nhân) và

phỏng vấn nhóm tập trung. Chính với tính chất của phỏng vấn chuyên gia là phá tung khuôn khổ chật hẹp của các câu hỏi trong ăng két mà cho phép cá nhân (đã được lựa chọn) tự do bày tỏ thái độ, quan điểm, chính kiến về vấn đề nghiên cứu đặt ra và thông qua đó mà có thông tin định tính. Còn phỏng vấn nhóm tập trung (được lựa chọn) thì thông tin định tính có được nhờ sự trao đổi, cọ xát giữa các quan điểm, các thái độ của các đối tượng được nghiên cứu. Về vấn đề lựa chọn đối tượng nghiên cứu sâu trong khảo sát Hà Nội đợt II theo 2 phương pháp thu nhập thông tin trên là:

- Phỏng vấn nhóm tập trung: chọn 3 nhóm có khả năng thu được thông tin cao nhất, đó là: 1- Nhóm giáo viên chủ nhiệm khối lớp 9. 2 - Nhóm cha mẹ của các mẹ học sinh học giỏi khối lớp 9 và 3 - Nhóm cha mẹ của các em học sinh kém khối lớp 9. Ở mỗi trường có 3 nhóm, như vậy cả 3 trường (Trường phổ thông cơ sở Trưng Vương, Tô Vĩnh Diện và Thịnh Quang) có 9 nhóm và mỗi nhóm có từ 8 đến 10 người. Các giáo viên khối lớp 9 đã là cộng tác viên của khảo sát chọn mẫu, tức là trước khi phỏng vấn nhóm tập trung thì họ đã hướng dẫn điều tra viên tiếp cận đối tượng nghiên cứu mà yếu tố quen biết, sự thoải mái bao giờ cũng là cần thiết cho các thao tác thu nhập thông tin. Còn hai đối tượng của phỏng vấn nhóm tập trung tự nó khi đặt trong tương quan so sánh thông tin thu nhận được đã cho phép lý giải rất nhiều vấn đề về các loại hành vi tái tạo văn hóa.

- Phỏng vấn chuyên gia trong nghiên cứu Hà Nội đợt II, theo dự kiến có 2 loại đối tượng là: 1. Các giáo viên quản lý nhà trường và 2. Một số người là cha mẹ học sinh thuộc các nhóm xã hội nghề nghiệp như: chủ các doanh nghiệp tư nhân, làm công tác lãnh đạo chính trị, sản xuất, kinh doanh nhà nước, các nhà khoa học có tên tuổi và những trường hợp đặc biệt khác. Qua đó có thể xem xét về sự chuyển đổi vai trò, động thái xã hội cũng như định hướng giá trị. Tuy nhiên trong thực tế khảo sát do điều kiện kinh phí và một số lý do khác mà ở công đoạn này trong nghiên cứu sâu ở Hà Nội đợt II chỉ mới dừng lại khảo sát với đối tượng là giáo viên quản lý nhà trường.

Trên đây là những điểm cơ bản về quan điểm sử dụng phương pháp nghiên cứu sâu trong chương trình nghiên cứu phân tầng xã hội ở Thủ đô chúng tôi mạnh dạn nêu lên để tranh thủ ý kiến trao đổi của đồng nghiệp và của đông đảo bạn đọc.



Tại thành phố Đà Nẵng, trao đổi với đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và đồng chí Giám đốc Sở Y tế về vấn đề "Sức khỏe cộng đồng"